

**Biểu 03: THỐNG KÊ TỔNG HỢP CÁC TRANG THIẾT BỊ TÌM KIẾM CỨU NẠN**  
(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Lào Cai)

TT	Đơn vị	Cộng	Xe (cái)			Tàu, xuồng các loại (cái)									Trang bị khác (cái)								Thiết bị cứu sinh ((cái)						
			Ô tô các loại	Xe cứu thương	Máy xúc, ủi	Xuồng ST 750	Xuồng ST 660	Xuồng ST 450	Xuồng CHCN gắn động cơ	Xuồng CHCN do miền nam tài trợ	Xuồng khác	Thuyền cao su T220	Thuyền máy	Thuyền tôn	Máy bơm cao áp	Máy phát điện	Thiết bị lọc nước	Túi đựng nước	Máy thu phát sóng ngắn HF	Flycam	Xe lội nước đa năng XAB-66	Cửa máy cầm tay	Xềng, Cuốc bàn các loại	Thiết bị định vị	Súng bắn dây mồi đa năng	Nhà bạt các loại	Áo phao cứu sinh	Phao tròn cứu sinh	Phao bè
	<b>Cộng</b>	<b>75.345</b>	<b>3.013</b>	<b>67</b>	<b>950</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>28</b>	<b>14</b>	<b>13</b>	<b>63</b>	<b>8</b>	<b>235</b>	<b>235</b>	<b>161</b>	<b>399</b>	<b>2.285</b>	<b>4.763</b>	<b>193</b>	<b>43</b>	<b>3</b>	<b>1.659</b>	<b>34.817</b>	<b>48</b>	<b>3</b>	<b>524</b>	<b>16.048</b>	<b>9.683</b>	<b>84</b>
1	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	11.716	49	3	1	1	3	14	2	13	-	2	1	2	6	22			3	1	3	18	1.478	12	2	320	5.836	3.908	11
2	Công an tỉnh	7.037	258	9				12	8													54	774			19	3.773	1.987	16
3	Phường Lào Cai	142	2																				70				50	20	
4	Phường Cam Đường	248	12	5	13							1		3								3	90				60	60	
5	Phường Sa Pa	283	5	2	70											3				4	2	2	93	2			50	50	
6	Phường Yên Bái	1.245	78	2	27							2	6	24		10										5	571	520	
7	Phường Nam Cường	314	18	-	7	-	-	-	-	-	9	-	-	-	3	4	-	-	-			4	38	-	-	16	200	15	-
8	Phường Âu Lâu	560	30		10								4	10		3						3	150				150	200	
9	Phường Văn Phú	223	21		3								2	3		3						1	40				80	70	
10	Phường Cầu Thia	89	5	1	3																		80						
11	Phường Nghĩa Lộ	298	3		1																		200			1	45	48	
12	Phường Trung tâm	374	14		7											10						5	250				45	43	
13	Xã Hưng Khánh	427	24		10										4	16						35	250				28	60	
14	Xã Lương Thịnh	245	29		23											2						20	50				121		
15	Xã Liên Sơn	241	4		4											3						9	71				105	45	
16	Xã Trấn Yên	1.004	113	1	17								12	38	-	-	-	-	-	-	-	37	600	-	-	-	186	-	-
17	Xã Châu Quế	625	52		20								5			19						24	200				200	100	5
18	Xã Đông Cuông	532	238		15								1	6		4						20	83				110	55	
19	Xã Lâm Giang	945	68		13								5		105	22						21	486				144	79	2
20	Xã Mỏ Vàng	723	10	1	5								10		5	2							200			20	50	20	
21	Xã Phong Dụ Thượng	512	15		5											1	1					10	180				280	20	
22	Xã Phong Dụ Hạ	216	39		7																		80				70	20	
23	Xã Mậu A	1.266	150	2	40				2			2		5		25	20	500		10		25	160				265	50	10
24	Xã Tân Hợp	516	3		11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	3	150	-	-	-	15	111	-	-	-	150	70	
25	Xã Xuân Ái	891	30		14								4			9						25	230				464	115	
26	Xã Bảo Ái	987	59	-	18	-	-	-	-	-	-	-	10	-	-	1	-	-	-	-	-	36	488	-	-	11	222	142	-
27	Xã Cẩm Nhân	468	63		17								8	2								23	250				35	70	
28	Xã Yên Thành	350	25	-	4	-	-	-	-	-	-	-	6	-	-	5	-	-	-	-	-	20	200	-	-	-	20	70	-
29	Xã Yên Bình	224	45	-	5	-	-	-	-	-	-	-	5	3		6						15	100				25	20	
30	Xã Thác Bà	1.382	58		12	-	-	-	-	-	-	-	15	56	-	18	10	500	-	-	-	23	230	-	-	-	300	150	10
31	Xã Văn Chấn	219	17	1	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5	-	-	-	-	-	1	155	-	-	-	20	15	-
32	Xã Tú Lệ	266	20	-	10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	2	40	-	-	-	1	150	-	-	-	25	16	-
33	Xã Gia Hội	205	20		5																		180						
34	Xã Nghĩa Tâm	122	17		9											6							16				50	24	
35	Xã Sơn Lương	79	15	-	15	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	40	-	-	-	5	-	-
36	Xã Thượng Bằng La	190	97	1	8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13						23	30	-	-	-	15	3	-
37	Xã Cát Thịnh	96	12	-	6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20	-	-	-	38	20	
38	Xã Chân Thịnh	134	4																				120				10		
39	Xã Tà Xi Láng	105	3																				90				12		
40	Xã Trạm Tấu	290	14		9																		200				30	37	
41	Xã Hạnh Phúc	223	22	2	15																		150				30	4	
42	Xã Phình Hồ	227	10		17																		200						



